

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
AN PHÁT
HOLDING
S

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
AN PHÁT HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hải Dương,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN AN PHÁT
HOLDINGS,
OID.0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:0801210129
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2025.03.31
07:43:35+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
11.2.1



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 ngày 3 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024 bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024 miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Tien	Phó Chủ tịch thường trực	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Lim Heon Young	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Nguyệt	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoàn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Phạm Đỗ Huy Cường.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12111413/68430700

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.246.882.134	49.220.792.131
110	I. Tiền	5	1.328.551.419	1.167.221.633
111	1. Tiền		1.328.551.419	1.167.221.633
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.427.054.221	46.483.248.093
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	20.020.851.503	32.135.869.563
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.936.000	106.500.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	25.969.695.156	17.699.706.255
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(41.573.428.438)	(3.458.827.725)
140	III. Hàng tồn kho		23.657.556	524.576.307
141	1. Hàng tồn kho		23.657.556	524.576.307
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		467.618.938	1.045.746.098
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		467.618.938	1.045.746.098
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.804.315.120.054	3.116.145.110.287
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		680.029.479	7.779.405.029
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	680.029.479	13.379.405.029
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7	-	(5.600.000.000)
220	II. Tài sản cố định		3.800.867.557	4.217.102.857
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	627.811.683	1.096.303.616
222	Nguyên giá		3.650.640.456	3.618.129.547
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.022.828.773)	(2.521.825.931)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.173.055.874	3.120.799.241
228	Nguyên giá		4.221.251.551	3.785.829.953
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.048.195.677)	(665.030.712)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	2.799.179.302.446	3.103.406.205.303
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.799.179.302.446	3.103.406.205.303
260	IV. Tài sản dài hạn khác		654.920.572	742.397.098
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		654.920.572	742.397.098
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.810.562.002.188	3.165.365.902.418

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		389.376.231.357	599.524.611.145
310	I. Nợ ngắn hạn		3.402.094.366	361.737.259.980
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		33.072.654	521.441.127
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	6.762.298.003
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	756.130.389	1.472.944.654
314	4. Phải trả người lao động		1.270.256.866	3.695.134.531
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	815.069.739	14.748.314.162
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		14.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	513.564.718	4.244.857.974
320	8. Vay ngắn hạn	14	-	330.292.269.529
330	II. Nợ dài hạn		385.974.136.991	237.787.351.165
337	1. Phải trả dài hạn khác	23	17.474.136.991	1.316.851.165
338	2. Vay dài hạn	14	368.500.000.000	236.470.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.421.185.770.831	2.565.841.291.273
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	2.421.185.770.831	2.565.841.291.273
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.504.818.180	28.504.818.180
421	3. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(46.161.727.349)	98.493.793.093
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		98.493.793.093	173.117.385.191
421b	- Lỗ năm nay		(144.655.520.442)	(74.623.592.098)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.810.562.002.188	3.165.365.902.418

Hải Dương, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập kiêm Kế toán trưởng
Hồ Thị Hòe

Tổng Giám đốc
Phạm Đỗ Huy Cường



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	34.896.052.133	46.311.618.644
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	34.896.052.133	46.311.618.644
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(7.974.752.194)	(15.090.748.938)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.921.299.939	31.220.869.706
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	7.187.211.665	50.869.189.170
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	18	(106.394.244.154) (40.427.675.875)	(103.273.289.983) (67.746.954.285)
25	8. Chi phí bán hàng		-	(64.101.504)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(69.577.175.398)	(50.007.191.652)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(141.862.907.948)	(71.254.524.263)
31	11. Thu nhập khác		10.735.041	290.140.351
32	12. Chi phí khác	20	(2.803.347.535)	(3.155.511.693)
40	13. Lỗ khác		(2.792.612.494)	(2.865.371.342)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(144.655.520.442)	(74.119.895.605)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(144.655.520.442)	(74.119.895.605)

Hải Dương, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Người lập kiểm Kế toán trưởng
Hồ Thị Hòe



Tổng Giám đốc
Phạm Đỗ Huy Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ trước thuế		(144.655.520.442)	(74.119.895.605)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	8, 9	884.167.807	962.366.194
03	Các khoản dự phòng	6, 7	32.514.600.713	2.428.415.122
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(28.410.129)	(807.553.677)
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		57.211.206.136	(19.331.948.312)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	18	43.096.972.171	72.940.158.001
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(10.976.983.744)	(17.928.458.277)
09	Giảm các khoản phải thu		16.669.293.455	5.486.692.849
10	Giảm hàng tồn kho		500.918.751	5.879.472.500
11	Giảm các khoản phải trả		(11.068.701.510)	(25.811.676.569)
12	Giảm chi phí trả trước		665.603.686	767.274.419
14	Tiền lãi vay đã trả		(41.244.584.624)	(64.839.660.934)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2.988.526.228)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(45.454.453.986)	(99.434.882.240)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)		(467.932.507)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	1.356.000.000
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		-	33.370.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		241.407.166.200	337.814.590.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.608.530.521	13.603.896.952
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		246.547.764.214	386.144.486.952

308
CƠ
CH
NS
VI
T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
32	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(213.876.160.920)
33	Tiền thu từ đi vay		478.570.243.164	580.538.675.830
34	Tiền trả nợ gốc vay		(679.502.308.989)	(654.481.571.140)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.321.792.759)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(200.932.065.825)	(289.140.848.989)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		161.244.403	(2.431.244.277)
60	Tiền đầu năm		1.167.221.633	3.598.465.910
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		85.383	-
70	Tiền cuối năm	5	1.328.551.419	1.167.221.633



Người lập kế toán trưởng
Hồ Thị Hòe



Hải Dương, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Tổng Giám đốc
Phạm Đỗ Huy Cường

02-
TY
HỮU
YQI
NAM
HOC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 ngày 3 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 18 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 17 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
I – Nhóm các công ty sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,17	50,17	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp					
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) (1)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	27,52	54,85	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,68	93,04	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	47,51	99,997	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”) (1)	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	27,52	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 18 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 17 công ty con) với thông tin chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp (tiếp theo)					
6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol ("Công ty An Thành") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	38,46	99,69	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (1)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	27,25	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,15	99,95	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty An Phát International, Inc. ("Công ty APA") (1)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houston, bang Texas, Mỹ	50,17	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác.
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC") (1)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houston, bang Texas, Mỹ	43,90	87,50	Kinh doanh hạt nhựa.
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (1)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	31,48	62,75	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31,48	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (1)	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	31,48	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31,48	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 18 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 17 công ty con) với thông tin chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp (tiếp theo)					
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31,45	99,86	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (1)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	33,86	100	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.
17	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics ("Công ty Ankor") (1)	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	17,27	51	Sản xuất nhựa phân hủy sinh học và các sản phẩm thân thiện với môi trường.
18	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên (1)	Xã Lương Điền - Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	47,51	99,99	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp

(1) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm quản lý	3 - 8 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	18 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

10/0
CỔ
HN
IS
/IE
-71

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Mua thêm cổ phần tại Công ty PBAT, công ty con hiện hữu

Ngày 2 tháng 1 năm 2024, Công ty An Tiến đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng thêm 1.770.000 cổ phần của Công ty PBAT, tương ứng với tỷ lệ 1,65% vốn cổ phần của công ty này, với tổng giá phí là 31,86 tỷ đồng từ một đối tác doanh nghiệp. Đồng thời, trong năm Công ty cũng chuyển nhượng một phần cổ phần tại Công ty Nhựa Hà Nội, một đơn vị khác nắm giữ cổ phần tại Công ty PBAT như trình bày tại Thuyết minh số 4.3. Sau các giao dịch này, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty PBAT là 36,83%.

4.2 Mua Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên

Tại ngày 16 tháng 10 năm 2024, Công ty An Phát Complex 1, công ty con của Công ty, đã hoàn thành mua 32.498.000 cổ phiếu, tương ứng 99,99% tỷ lệ lợi ích của Công ty Lương Điền Ngọc Liên. Theo đó, Công ty Lương Điền Ngọc Liên chính thức trở thành công ty con gián tiếp của Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết là 99,99%.

Công ty Lương Điền Ngọc Liên là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801334886 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 28 tháng 9 năm 2020 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 22 tháng 1 năm 2025. Hoạt động chính của công ty này là đầu tư phát triển khu công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Nhựa Hà Nội

Ngày 5 tháng 4 năm 2024, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.000.000 cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội, tương đương với tỷ lệ 5,49% vốn cổ phần của công ty này, thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong tháng 9 năm 2024, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 11.160.308 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 15,31% vốn cổ phần còn lại của Công ty Nhựa Hà Nội thông qua hình thức thỏa thuận trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với công ty Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.

5. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	28.396.560	79.396.560
Tiền gửi ngân hàng	1.300.154.859	1.087.825.073
TỔNG CỘNG	1.328.551.419	1.167.221.633

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Gulf Polymers Distribution	3.416.258.593	4.274.615.239
Công ty Green Industria E Comercio De Plasticos	1.357.355.160	1.290.428.143
Công ty Cổ phần Xây lắp ANI	-	11.487.771.006
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	15.247.237.750	15.083.055.175
TỔNG CỘNG	20.020.851.503	32.135.869.563
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.197.386.362)	(628.415.122)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	16.529.788.153	(16.529.788.153)	4.230.412.603	(2.830.412.603)
Phải thu lại khoản tạm ứng mua hạt nhựa do hủy hợp đồng	8.846.253.923	(8.846.253.923)	8.410.072.293	-
Tạm ứng cho nhân viên	481.268.080	-	4.935.416.529	-
Phải thu ngắn hạn khác	112.385.000	-	123.804.830	-
TỔNG CỘNG	25.969.695.156	(25.376.042.076)	17.699.706.255	(2.830.412.603)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu ngắn hạn các bên khác	16.727.750.233	(16.529.788.153)	6.388.508.114	(2.830.412.603)
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	9.241.944.923	(8.846.253.923)	11.311.198.141	-
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	12.699.375.550	(5.600.000.000)
Ký quỹ dài hạn	680.029.479	-	680.029.479	-
TỔNG CỘNG	680.029.479	-	13.379.405.029	(5.600.000.000)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu dài hạn các bên khác	680.029.479	-	13.379.405.029	(5.600.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

				Đơn vị tính: VND	
				Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải		1.705.209.547	3.618.129.547
- Mua trong năm	-	-		32.510.909	32.510.909
Số cuối năm	118.500.000	1.794.420.000		1.737.720.456	3.650.640.456
Trong đó:					
Đã khấu hao hết				330.546.092	330.546.092
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	94.927.419	1.235.981.943		1.190.916.569	2.521.825.931
- Khấu hao trong năm	14.812.500	224.124.408		262.065.934	501.002.842
Số cuối năm	109.739.919	1.460.106.351		1.452.982.503	3.022.828.773
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	23.572.581	558.438.057		514.292.978	1.096.303.616
Số cuối năm	8.760.081	334.313.649		284.737.953	627.811.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá:

- Số đầu năm
- Mua trong năm
- Số cuối năm

Trong đó:

Đã hao mòn hết

Giá trị hao mòn lũy kế:

- Số đầu năm
- Khấu hao trong năm
- Số cuối năm

Giá trị còn lại:

- Số đầu năm
- Số cuối năm

	Phần mềm máy vi tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
	1.192.612.200	2.593.217.753	3.785.829.953
	435.421.598	-	435.421.598
	1.628.033.798	2.593.217.753	4.221.251.551
	117.198.200	-	117.198.200
	474.528.745	190.501.967	665.030.712
	239.002.017	144.162.948	383.164.965
	713.530.762	334.664.915	1.048.195.677
	718.083.455	2.402.715.786	3.120.799.241
	914.503.036	2.258.552.838	3.173.055.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ năm giữ trục tiếp	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ năm giữ trục tiếp	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con								
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (i)	50,17%	2.799.079.302.446	-	1.672.386.075.680	50,17%	2.799.079.302.446	-	1.812.390.873.300
- Công ty Nhựa Hà Nội								
(Thuyết minh số 4)	0,00%	-	-		20,80%	304.226.902.857	-	278.949.667.200
- Công ty An Cường	0,02%	100.000.000	-	(ii)	0,02%	100.000.000	-	(ii)
TỔNG CỘNG		2.799.179.302.446	-			3.103.406.205.303	-	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày gần nhất có giao dịch trước khi kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của công ty con này do cổ phần của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	218.141.367	3.041.205.857	(3.066.752.686)	192.594.538
Thuế giá trị gia tăng	1.254.803.287	2.341.508.897	(3.032.776.333)	563.535.851
Thuế, phí khác	-	14.082.979	(14.082.979)	-
TỔNG CỘNG	1.472.944.654	5.396.797.733	(6.113.611.998)	756.130.389

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhân viên	815.069.739	-
Lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	-	14.157.121.640
Chi phí phải trả khác	-	591.192.522
TỔNG CỘNG	815.069.739	14.748.314.162

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	231.867.338	3.450.219.177
Phải trả ngắn hạn khác	281.697.380	794.638.797
TỔNG CỘNG	513.564.718	4.244.857.974

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan
(Thuyết minh số 23)

Phải trả đối tượng khác

-	3.450.219.177
513.564.718	794.638.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước				Tổng cộng
Số đầu năm	2.511.991.480.000	169.232.179.100	173.117.385.191	2.854.341.044.291
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(74.119.895.605)	(74.119.895.605)
- Chia cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(503.696.493)	(503.696.493)
- Giảm do mua lại cổ phiếu ưu đãi	(73.148.800.000)	(140.727.360.920)	-	(213.876.160.920)
Số cuối năm	2.438.842.680.000	28.504.818.180	98.493.793.093	2.565.841.291.273
Năm nay				
Số đầu năm	2.438.842.680.000	28.504.818.180	98.493.793.093	2.565.841.291.273
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(144.655.520.442)	(144.655.520.442)
Số cuối năm	2.438.842.680.000	28.504.818.180	(46.161.727.349)	2.421.185.770.831

15.2 Cổ tức

	Năm nay	Đơn vị tính: VND
Cổ tức đã công bố trong năm		Năm trước
Cổ tức phải trả cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	503.696.493



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.3 Cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đăng ký phát hành				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
Cổ phần ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phần đã bán ra công chúng				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
Cổ phần ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phần đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
Cổ phần ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	34.896.052.133	46.311.618.644
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.175.008.633	35.725.573.671
Doanh thu bán hàng	4.683.043.500	10.531.999.518
Doanh thu khác	38.000.000	54.045.455
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.896.052.133	46.311.618.644
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	7.395.841.832	21.288.927.386
Doanh thu đối với bên liên quan	27.500.210.301	25.022.691.258

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.580.154.000	10.080.154.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.578.681.144	1.755.431.861
Lãi tiền gửi	28.376.521	146.673.089
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	37.330.830.220
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.556.100.000
TỔNG CỘNG	7.187.211.665	50.869.189.170

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.313.215.895	6.166.659.342
Giá vốn hàng bán	4.623.538.291	8.924.089.596
Giá vốn khác	37.998.008	-
TỔNG CỘNG	7.974.752.194	15.090.748.938

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	43.096.972.171	72.940.158.001
Lỗ và phí chuyển nhượng đầu tư vào công ty con	62.819.736.657	29.799.880.784
Chi phí tài chính khác	477.535.326	533.251.198
TỔNG CỘNG	106.394.244.154	103.273.289.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	23.822.467.589	27.943.221.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.449.321.867	12.996.594.624
Chi phí khấu hao và hao mòn	848.028.982	818.203.246
Chi phí dự phòng	32.514.600.713	2.428.415.122
Chi phí bằng tiền khác	1.942.756.247	5.820.757.429
TỔNG CỘNG	69.577.175.398	50.007.191.652

20. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí công tác	306.823.940	364.319.264
Chi phí tiếp khách	438.513.823	1.037.507.248
Hoàn ứng	436.493.204	269.529.594
Các khoản khác	1.621.516.568	1.484.155.587
TỔNG CỘNG	2.803.347.535	3.155.511.693

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	27.168.424.301	33.902.479.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.526.228.524	13.125.138.093
Chi phí dự phòng	32.514.600.713	2.428.415.122
Chi phí khấu hao và hao mòn	884.167.807	962.366.194
Chi phí bằng tiền khác	1.942.756.247	5.820.757.429
TỔNG CỘNG	73.036.177.592	56.239.155.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(144.655.520.442)	(74.119.895.605)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(28.931.104.088)	(14.823.979.121)
Điều chỉnh cho:		
Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	8.079.859.871	13.520.056.239
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	561.241.507	630.279.515
Chi phí dự phòng không được trừ	6.438.573.445	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1.116.030.800)	(2.016.030.800)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	155.828.710	(175.411.191)
Doanh thu hoa hồng kỳ trước đã xuất hóa đơn trong kỳ này	448.893.500	516.077.576
Thu nhập tính thuế kỳ sau	(411.417.188)	(448.893.500)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế	14.774.155.043	2.797.901.282
Chi phí thuế TNDN	-	-

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Đơn vị tính: VND			
		Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
2019	2024	3.823.735.471	(3.823.735.471)	-	-
2023	2029	13.989.506.409	-	-	13.989.506.409
2024	2029	73.870.775.215	-	-	73.870.775.215
TỔNG CỘNG		91.684.017.095	(3.823.735.471)	-	87.860.281.624

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Đơn vị tính: VND			
		Chi phí lãi vay không được khấu trừ	Đã chuyển đến ngày 31/12/2024	Không được chuyển	Chưa chuyển tại ngày 31/12/2024
2019	2024	9.089.540.057	-	(9.089.540.057)	-
2020	2025	14.030.540.484	-	-	14.030.540.484
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
2022	2027	6.083.874.325	-	-	6.083.874.325
2023	2028	67.600.281.196	-	-	67.600.281.196
2024	2029	40.399.299.355	-	-	40.399.299.355
TỔNG CỘNG		152.540.207.925	-	(9.089.540.057)	143.450.667.868

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con
Công ty An Tiến	Công ty con
Công ty An Phát Complex	Công ty con
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con
Công ty An Thành Singapore	Công ty con
Công ty An Thành	Công ty con
Công ty An Tín	Công ty con
Công ty An Vinh	Công ty con
Công ty APA	Công ty con
Công ty AFC	Công ty con
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con
Công ty An Trung	Công ty con
Công ty VIEXIM	Công ty con
Công ty VMC	Công ty con
Công ty An Cường	Công ty con
Công ty PBAT	Công ty con
Công ty Ankor	Công ty con
Công ty Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con (kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2024)
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ấn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày ở phần Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.481.166.800	2.756.929.600
		Chuyển nhượng cổ phần của công ty con	173.407.166.200	74.200.000.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	779.343.518	974.640.932
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.071.043.500	8.925.649.543
		Đi vay	-	216.000.000.000
		Trả tiền vay	-	216.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	4.527.097.262
Công ty An Cường	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.272.000.000	867.777.776
		Mua hàng hóa dịch vụ	9.030.712	134.603.273
		Lãi vay	-	1.818.582.424
		Đi vay	-	46.000.000.000
		Trả tiền vay	-	50.600.000.000
Công ty An Vinh	Công ty con	Đi vay	-	35.000.000.000
		Trả tiền vay	-	35.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.300.000.000	1.257.141.412
		Chi phí lãi vay	-	1.137.602.740
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.002.000.000	3.428.949.497
		Cổ tức	5.580.154.000	10.080.154.000
		Chuyển nhượng cổ phần	-	43.400.000.000
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đi vay	-	19.800.000.000
		Trả tiền vay	-	19.800.000.000
		Lãi vay	-	233.202.740
Công ty An Trung	Công ty con	Đi vay	-	39.500.000.000
		Trả tiền vay	-	39.500.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.272.000.000	637.777.776
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.994.000.001	5.119.696.972
		Đi vay	13.500.000.000	97.600.000.000
		Trả tiền vay	13.500.000.000	97.600.000.000
		Chi phí lãi vay	46.027.397	3.071.931.507
Công ty An Tín	Công ty con	Đi vay	-	39.200.000.000
		Trả tiền vay	14.000.000.000	49.200.000.000
		Chi phí lãi vay	61.260.274	4.141.095.890
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.272.000.000	847.777.776
		Mua hàng hóa dịch vụ	-	9.110.000
Công ty PBAT	Công ty con	Cho vay	-	1.300.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	-	5.170.000.000
		Đi vay	-	20.850.000.000
		Trả tiền vay	13.533.000.000	7.317.000.000
		Lãi vay	271.438.863	951.919.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty An Tiến	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.272.000.000	847.777.776
Công ty VIEXIM	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	660.000.000	331.313.130
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Đi vay	447.500.000.000	60.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.244.000.000	-
		Trả tiền vay	149.000.000.000	-
		Lãi vay	17.109.205.484	364.931.507
Công ty VMC	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	660.000.000	-
Công ty Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.900.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	86.368.800	91.111.628

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Sổ dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty với số tiền là 24.093.491.673 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Ankor	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	15.247.237.750	15.003.965.175
Công ty An Tiến	Công ty con	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	77.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	-	2.090.000
TỔNG CỘNG			15.247.237.750	15.083.055.175
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Ankor	Công ty con	Đặt cọc	8.846.253.923	8.410.072.293
Các cá nhân	Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Tạm ứng	395.691.000	2.901.125.848
TỔNG CỘNG			9.241.944.923	11.311.198.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả người bán ngắn hạn (Mã số 311)					
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát	Công liên kết	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	10.673.640	2.824.200	
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	442.750.000	
TỔNG CỘNG			10.673.640	445.574.200	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Mã số 312)					
Công ty An Thành	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	-	6.762.298.003	
TỔNG CỘNG			-	6.762.298.003	
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)					
Công ty An Tín	Công ty con	Lãi vay	-	3.450.219.177	
TỔNG CỘNG			-	3.450.219.177	
Phải trả dài hạn khác (Mã số 337)					
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Lãi vay	17.474.136.991	364.931.507	
Công ty PBAT	Công ty con	Lãi vay	-	951.919.658	
TỔNG CỘNG			17.474.136.991	1.316.851.165	
Vay dài hạn (Thuyết minh số 14)					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	358.500.000.000	Gốc vay và lãi vay được thanh toán khi đáo hạn từ tháng 3 năm 2026 đến tháng 9 năm 2026.	6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG		358.500.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024)	95.000.000	120.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024)	135.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.444.702.085	2.752.629.666
Bà Nguyễn Thị Tien	Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	3.358.831.250	2.753.283.000
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024)	50.000.000	120.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG		7.323.533.335	6.165.912.666

Thù lao của Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Ban kiểm soát	132.000.000	132.000.000
	132.000.000	132.000.000

24. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động gồm văn phòng và ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.800.594.044	2.364.770.076
Từ trên 1 năm đến 5 năm	3.494.831.306	6.260.910.774
TỔNG CỘNG	6.295.425.350	8.625.680.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	441,88	415,67
Dirham (DIR)	1.680	1.680

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hải Dương, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Người lập kiêm kế toán trưởng
Hồ Thị Hòe




Tổng Giám đốc
Phạm Đỗ Huy Cường

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn